



**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP BỒI DƯỠNG  
KIẾN THỨC QLNN CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN VIÊN NĂM 2015**

(Kèm theo Công văn số 196/SNV-CCHC ngày 27/02/2015 của Sở Nội vụ)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác	Lương hiện hưởng			Thời gian giữ ngạch	Ghi chú	
					Mã ngạch	Bậc	Hệ số			
1	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/03/1978	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh	01.003	3	3,00	7	
2	Phạm Thị	Hội	08/02/1972	Chuyên viên Ban Tổ chức	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh	01.003	3	3,00	7	
3	Trần	Kiên	20/04/1979	Trưởng phòng Tuyên truyền - BC-XB	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	01.002	1	4,40	2	
4	Phạm Thị Thu	Hoài	10/12/1972	Phó Chánh Văn phòng	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	01.003	5	3,66	5	
5	Nguyễn Trường	Thành	26/01/1980	Phó Ban Kinh tế-Xã hội	Hội Nông dân tỉnh	01.003	2	2,67	4	
6	Nguyễn Thị Bích	Thùy	08/03/1982	Chuyên viên	Huyện ủy Quảng Ninh	01.003	2	2,67	5	
7	Lê Ngọc	Huân	15/12/1965	Chủ tịch Hội Nông dân	Huyện ủy Quảng Ninh	01.003	8	4,65	5	
8	Trần Quang	Hậu	20/07/1961	Phó Chủ nhiệm CQ Ủy ban kiểm tra	Huyện ủy Bố Trạch	04.025A	9	4,65	28	
9	Nguyễn Anh	Đông	04/02/1977	Phó Ban Tổ chức	Huyện ủy Bố Trạch	01.003	4	3,33	11	
10	Nguyễn Mạnh	Hùng	03/08/1968	Phó Ban Tổ chức	Huyện ủy Quảng Trạch	01.003	6	3,99	14	
11	Nguyễn Văn	Minh	03/05/1979	Chuyên viên Ban Tổ chức	Huyện ủy Quảng Trạch	01.003	3	3,00	8	
12	Võ Thị Mỹ	Hồng	26/11/1979	Phó Ban Gia đình-Xã hội	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	01.003	4	3,33	10	
13	Lại Thị Kiều	Giang	31/08/1977	Chuyên viên Ban Chính sách-Luật pháp	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	01.003	6	3,99	14	
14	Nguyễn Thiên	Nga	02/01/1977	Chuyên viên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	01.003	5	3,66	14	
15	Trần Thị Bích	Ngọc	02/05/1978	Chuyên viên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	01.003	5	3,66	13	
16	Phạm Xuân	Hoan	01/06/1975	Phó phòng 2	CQ Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	04.025A	4	3,33	12	
17	Lê Thị Bích	Uyên	15/02/1971	Kiểm tra viên	CQ Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	04.025A	5	3,66	6	
18	Nguyễn Thanh	Long	04/04/1976	Chánh Văn phòng	Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh	01.003	9	4,98	12	

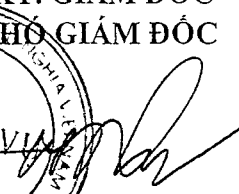
19	Trần Thị Hoài	Nam	02/06/1977	Chuyên viên Ban Tổ chức	Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh	01.003	6	3,99	15	
20	Lê Thị	Bảy	24/05/1967	Phó Văn phòng	Liên đoàn lao động tỉnh	01.003	9	4,98	4	
21	Nguyễn Thị Bích	Thủy	08/09/1975	Chuyên viên Ban Tổ chức	Liên đoàn lao động tỉnh	01.003	7	4,32	6	
22	Hoàng Thị Anh	Mai	30/03/1980	Trưởng Ban Tuyên giáo	Tỉnh đoàn Quảng Bình	01.003	3	3,00	7	
23	Lê Văn	Hải	12/12/1980	Phó Ban Thanh, thiếu nhi trường học	Tỉnh đoàn Quảng Bình	01.003	4	3,33	9	
24	Đặng Thị Hồng	Thào	01/05/1986	Chuyên viên	Ban Nội chính tỉnh	01.003	2	2,67	2	
25	Trương Văn	Hà	12/11/1977	Phó Chánh Văn phòng	Ban Dân vận Tỉnh ủy	01.003	5	3,66	8	
26	Trần Thị Thanh	Thủy	17/06/1980	Chuyên viên Phòng Mặt trận ĐT	Ban Dân vận Tỉnh ủy	01.003	4	3,33	1	
27	Đoàn Thị	Phượng	08/06/1982	Giảng viên Khoa Lý luận	Trường Chính trị tỉnh	15.111	2	2,67	1	
28	Trần Văn	Minh	30/10/1987	Giảng viên Phòng Tổ chức-HC-QT	Trường Chính trị tỉnh	06.031	2	2,67	1	
29	Nguyễn Thị Linh	Giang	19/05/1985	Giảng viên Phòng Đào tạo	Trường Chính trị tỉnh	15.111	2	2,34	2	
30	Nguyễn Tuấn	Long	24/06/1980	Viên chức phòng Phát triển đô thị	Sở Xây dựng	01.003	4	3,33	12	
31	Nguyễn Thế Thái	Hùng	12/11/1981	Cán bộ phòng Kiến trúc QHXD	Sở Xây dựng	12.098	3	3,00	9	
32	Nguyễn Hữu	Toàn	20/08/1977	Trưởng phòng Thời sự TH	Đài phát thanh - Truyền hình	17.114	4	3,33	10	
33	Đàm Thị Kiều	Vân	31/03/1970	Phó Trưởng phòng TC-HC	Đài Phát thanh-Truyền hình	06.031	7	4,32	11	
34	Nguyễn Thị Thu	Hương	22/08/1987	Chuyên viên Phòng Hợp tác Quốc tế	Sở Ngoại vụ	01.003	1	2,34	2	
35	Trần Diễm	Phúc	07/10/1984	Phó Giám đốc TT Công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	13.095	3	3,00	7	
36	Phạm Thị	Trang	08/6/1990	Chuyên viên Phòng Công chức-Viên chức	Sở Nội vụ	01.003	1	2,34	2	
37	Đặng Thị Phúc	Như	10/02/1966	Phó Trưởng phòng, Ban Thi đua - KT	Sở Nội vụ	01.003	7	4,32		
38	Hồ Anh	Chuyên	27/9/1985	Lưu trữ viên Chi cục Văn thư lưu trữ	Sở Nội vụ	02.014	2	2,67		
39	Hoàng Xuân	Hiền	08/05/1978	Chuyên viên Thanh tra Sở	Sở Giao thông vận tải	01.003	3	3,00	11	
40	Nguyễn Diệu	Tâm	25/04/1989	Chuyên viên Phòng Hành chính Tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh	01.003	1	2,34	3	
41	Đặng Trung	Kiên	05/09/1979	Chuyên viên Phòng Kinh tế tổng hợp	Văn phòng UBND tỉnh	15.113	4	3,33	10	
42	Vũ Thuần	Trung	14/12/1978	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn-MT	Sở Công Thương	01.003	5	3,66	2	
43	Đào Chí	Thanh	23/01/1976	Chuyên viên Phòng Quản lý điện năng	Sở Công Thương	01.003	1	3,00	1	
44	Đỗ Thị Cẩm	Nhung	06/11/1987	Kiểm soát viên Chi cục Quản lý thị trường	Sở Công Thương	21.189	2	2,67	5	

45	Lê Thị Hoàn	14/04/1981	Chuyên viên Chi cục Quản lý thị trường	Sở Công Thương	01.003	3	3,00	2	
46	Lương Ngọc Quang Bích	17/06/1991	Chuyên viên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	01.003	1	2,34	1	
47	Nguyễn Thúy Hằng	09/03/1991	Chuyên viên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	01.003	1	2,34	1	
48	Nguyễn Thị Phương	08/12/1982	Chuyên viên Phòng Biển và Hải đảo	Sở Tài nguyên và Môi trường	01.003	2	2,67	7	
49	Trần Trung	08/11/1982	Chuyên viên Phòng Đăng ký đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	01.003	3	3,00	8	
50	Lê Thị Mỹ Hạnh	25/10/1981	Chuyên viên	Sở Tài chính	01.003	3	3,00	1	
51	Trần Thị Thanh Loan	16/10/1988	Chuyên viên	Sở Tài chính	01.003	2	2,67	2	
52	Nguyễn Như Tâm	14/02/1981	Cán bộ nghiệp vụ Phòng Kế hoạch và Đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế	13.095	2	2,67	3	
53	Nguyễn Hồng Xuân	03/01/1970	Phó Giám đốc CT QL hạ tầng Khu kinh tế	Ban Quản lý Khu kinh tế	13.095	8	4,65	21	
54	Nguyễn Hữu Sơn	23/03/1966	Phó Trưởng Đoàn Nghệ thuật Truyền thống	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	13.096	12	4,06	24	
55	Nguyễn Duy Tân	29/05/1960	Trưởng phòng Trung tâm Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	17.175	9	4,98	1	
56	Nguyễn Thị Thùy Dung	20/07/1984	Chuyên viên	Thanh tra tỉnh	01.003	1	2,34	4	
57	Phùng Thị Hoa	13/12/1985	Chuyên viên phòng Quản lý Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	01.003	2	2,67	2	
58	Lê Thị Mỹ Thu	02/12/1975	Phó Trưởng phòng Phòng GD Tiểu học	Sở Giáo dục và Đào tạo	01.003	5	3,66	12	
59	Trần Đại Nghĩa	11/07/1979	Chuyên viên Phòng GD TrH	Sở Giáo dục và Đào tạo	01.003	6	3,66	10	
60	Lê Thị Phương Thủy	1980	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Sở Tư pháp	01.003	4	3,33	10	
61	Nguyễn Thị Thúy Hằng	05/09/1977	Phó Trưởng phòng	BQLVQG Phong Nha-Kẻ Bàng	17.175	4	3,33	11	
62	Trần Thị Loan	29/12/1975	Chuyên viên	BQLVQG Phong Nha-Kẻ Bàng	01.003	5	3,66	13	
63	Lê Thanh Lương	02/03/1963	Trưởng ban TT Du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng	BQLVQG Phong Nha-Kẻ Bàng	17.175	4	3,33	8	
64	Nguyễn Hữu Thọ	26/01/1984	Chuyên viên	Sở Nông nghiệp và PTNT	01.003	2	2,67	4	
65	Lê Nữ Thùy Linh	20/07/1991	Chuyên viên	Sở Nông nghiệp và PTNT	01.003	1	2,34	1	
66	Nguyễn Đăng Sơn	25/10/1971	Phó Giám đốc TT Quy hoạch thiết kế NLN	Sở Nông nghiệp và PTNT	13.095	6	3,99	15	
67	Trần Đình Dũng	15/10/1975	Chuyên viên Chi cục Thủy lợi và PCLB	Sở Nông nghiệp và PTNT	13.095	3	3,00	13	
68	Hà Thị Phương	01/09/1987	Kế toán Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và PTNT	06.031	1	2,34	2	
69	Phạm Công Thành	05/07/1963	Phó Giám đốc TT Y tế dự phòng Tuyên Hóa	Sở Y tế	16.118	9	4,98	9	
70	Lê Hoàng Anh	14/05/1984	Viên chức Phòng Quản lý Dược	Sở Y tế	16.134	2	2,67	4	

71	Đoàn Thị Kim	Tuyên	18/10/1988	Chuyên viên Phòng Kế hoạch tài chính	Sơ Y tế	01.003	1	2,34	3	
72	Nguyễn Ninh	Hải	28/12/1986	Viên chức Chi cục An toàn VSTP	Sơ Y tế	13.095	2	2,67	5	
73	Mai Xuân	Minh	18/11/1973	Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Tuyên Hóa	01.003	7	4,32	1	
74	Phan Xuân	Tuyên	21/03/1972	Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Tuyên Hóa	01.003	6	3,99	14	
75	Nguyễn Vụ Thành	Long	01/03/1977	Chuyên viên phòng Tài nguyên và MT	UBND huyện Tuyên Hóa	01.003	1	2,34	2	
76	Đinh Thị Mai	Anh	10/10/1979	Phó Trưởng phòng VH&TT	UBND huyện Minh Hóa	01.003	4	3,33	12	
77	Đinh Thị Linh	Chi	21/05/1982	Chuyên viên phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Minh Hóa	01.003	2	2,67	4	
78	Lê Ngọc	Huân	1971	Chánh Văn phòng HĐND&UBND	UBND huyện Quảng Ninh	01.003	4	3,33	10	
79	Trần Văn	Lai	1978	Phó Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Quảng Ninh	01.003	4	3,33	11	
80	Lê Thế Hoàng	Vũ	1988	Chuyên viên phòng NN & PTNT	UBND huyện Quảng Ninh	01.003	1	2,34	2	

(Danh sách này có 80 học viên)

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Cường